

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 307/2019/DS-PT

Ngày: 05/11/2019

V/v: tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Cùng các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Phạm Văn Ngọt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2019/TLPT-DS ngày 03/10/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 238/2019/QĐ-PT ngày 14/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phước H, sinh năm: 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp VH, xã VQT, huyện BD, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị M, sinh năm: 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp VH, xã VQT, huyện BD, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trần Văn T, sinh năm: 1951 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp VH, xã VQT, huyện BD, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phước H trình bày: Vào ngày 10/7/2018 bà H có cho bà M vay 30.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nhận nợ, theo giấy nhận nợ vay không thời hạn, không lãi suất. Tuy nhiên hai bên có thỏa thuận bằng lời nói vay thời hạn 01 tháng thanh toán, lãi suất 3%/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà M không đóng lãi và cũng không trả nợ gốc cho bà H, bà H có đòi nhiều lần nhưng bà M vẫn không trả tiền cho bà H. Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc bà M cùng ông T là chồng bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H 30.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là bà Bùi Thị M trình bày: Vào tháng 8/2016 bà M có vay của bà H 30.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng. Khi vay có viết giấy nợ trong cuốn tập của bà H, bà M không có giữ giấy nợ. Đến tháng 02/2017 bà M đã trả cho bà H 30.000.000 đồng, khi trả tiền không có làm giấy tờ. Vào tháng 03/2017 bà M tiếp tục vay của bà H 100.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, đến tháng 10/2017 bà M đã trả cho bà H 100.000.000 đồng, khi trả tiền không có làm giấy tờ. Vào tháng 11/2017 bà M tiếp tục vay của bà H 200.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, đến tháng 03/2019 bà M đã trả cho bà H 200.000.000 đồng, khi trả tiền không có làm giấy tờ. Hiện nay bà M không có nợ bà H 30.000.000 đồng theo như lời trình bày của bà H. Theo giấy nợ bà H cung cấp cho Tòa án thì đúng là giấy nợ bà M vay bà H 30.000.000 đồng vào tháng 08/2016 chứ không phải vào ngày 10/7/2018. Chữ viết trong giấy nợ là do bà M viết, tuy nhiên chữ viết :“(Bùi thị M) và ngày 10 – 7 – 2018” không phải là chữ viết của bà M. Nay bà M không đồng ý trả vì số tiền này bà M đã trả cho bà H vào tháng 02/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn T trình bày: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà M, ông T không đồng ý cùng bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H 30.000.000 đồng vì số tiền này bà M, ông T đã trả cho bà H vào tháng 02/2017.

Tại Bản án số 49/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 288, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 và 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phước H đối với bà Bùi Thị M và ông Trần Văn T.

Buộc bà Bùi Thị M và ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Phước H 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/8/2019 bà Bùi Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Toà phúc thẩm phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Phước H yêu cầu bà Bùi Thị M và ông Trần Văn T trả số tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà M, ông T không đồng ý với yêu cầu của bà H vì bà M, ông T cho rằng bà M đã trả số tiền 30.000.000 đồng cho bà H vào tháng 02/2017.

[2] Bà M kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu của bà H, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H cung cấp chứng cứ là “Biên nhận vay tiền ngày 10/7/2018”. Bà H trình bày dòng chữ “ngày 10-7-2018” là do bà H tự viết. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà M thừa nhận nội dung “Dì ba T (Bùi thị M) có mượn cháu H 30 triệu. “Ba chục triệu đồng chẵn” là do bà M viết. Quá thời hạn mà bà M không thanh toán tiền cho bà H như đã thỏa thuận. Việc chậm thanh toán của bà M làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Như vậy, yêu cầu của bà H là có căn cứ.

Ông T, bà M cho rằng bà M đã trả cho bà H số tiền trên vào tháng 02/2017. Tuy nhiên, ông T, bà M không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Phía bà H cũng không thừa nhận việc bà M đã trả tiền cho bà H nên lời trình bày của ông T, bà M là không có căn cứ. Bà M kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì khác nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Bản án sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo bà Bùi Thị M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Căn cứ: Điều 288, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phước H đối với bà Bùi Thị M và ông Trần Văn T.

Buộc bà Bùi Thị M và ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Phước H 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Bùi Thị M và ông Trần Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bà Nguyễn Thị Phước H không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0003330 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị M là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Bùi Thị M số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005920 ngày 03/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Phạm Kim Cũa

Huỳnh Ngọc Dũng